

SĐC

142

HUYỆN ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BÌNH PHƯỚC

TRUYỀN THỐNG CẤP ỦY
ĐẢNG BỘ PHƯỚC LONG
1960-2000



**TRUYỀN THỐNG CẤP ỦY
ĐẢNG BỘ PHƯỚC LONG
(1960 – 2000)**

THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC

ĐC/ 1402

- KỶ NIỆM 70 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐCSVN
(3/2.1930 – 3/2/2000)

- KỶ NIỆM 25 NĂM GIẢI PHÓNG PHƯỚC LONG
6-1-1975 – 6-1-2000

**CHỊU TRÁCH NHIỆM BIÊN SOẠN VÀ BẢN THẢO
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY PHƯỚC LONG**

BAN CHỈ ĐẠO :

- Đ/c **Quách Văn Lai**: TUV - Bí thư Huyện ủy – Trưởng ban
- Đ/c **Trần Đức Thủy**: Phó bí thư Huyện ủy -- Chủ tịch UBND huyện – Thành viên
- Đ/c **Nguyễn Minh Phụng**: Phó bí thư Thường trực Huyện ủy – Thành viên
- Đ/c **Trần Thị Tòa**: UVTV – Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy – Thành viên

TỔ CHỨC THỰC HIỆN: BAN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY

SƠ TẮM TƯ LIỆU:

- Đ/c **Trần Thị Tòa**: UVTV Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy. Phước Long
- Đ/c **Đinh Ngọc Ngạn**: HUV Phó ban Tuyên giáo Huyện ủy – Giám đốc TTGDCT Huyện Phước Long
- Đ/c **Nguyễn Đình Quyền**: Phó ban Tuyên giáo Huyện ủy Phước Long

BIÊN SOẠN

- PGS. **Hồ Sỹ Khoách** – Khoa Sử trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn – TP.HCM.
- TS. **Hà Minh Hồng** – Khoa Sử trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn – TP.HCM.
- TS. **Lê Hữu Phước** – Khoa Sử trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn – TP.HCM.

LỜI GIỚI THIỆU

*Viện Lịch sử Đảng trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh hết sức vui mừng nhận được bản thảo “**Truyền thống cấp ủy Đảng bộ Phước Long (1960 – 2000)**” do Ban Thường vụ Huyện ủy Phước Long chỉ đạo và 3 cán bộ Khoa Lịch sử Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh biên soạn. Đây là một chủ trương hết sức đúng đắn, bắt kịp với những đòi hỏi của thực tiễn đang đặt ra trong công cuộc đổi mới và chỉnh đốn Đảng hiện nay.*

Phước Long trong thời kỳ chống Mỹ là đơn vị cấp tỉnh, nay là một huyện miền núi thuộc tỉnh Bình Phước. Tổ chức Đảng cấp Huyện là một cấp trong hệ thống tổ chức của Đảng. Lịch sử tổ chức các cấp của Đảng là một bộ phận hợp thành của lịch sử tổ chức toàn Đảng. Tổ chức Đảng cấp Huyện, Quận, thị xã là tổ chức gắn với cơ sở, gần cơ sở, là cầu nối cấp trên với tổ chức cơ sở – nơi thể hiện rõ nhất sự sáng tạo trong vận dụng đường lối chung vào thực tiễn, nơi kiểm chứng tính đúng đắn của đường lối chung khi vận hành trong thực tiễn. Nó giúp cho Đảng bổ sung, điều chỉnh quá trình hoạch định đường lối chính trị, kiện toàn tổ chức và công tác tư tưởng lý luận trong lãnh đạo cách mạng của Đảng. Trong cách mạng dân tộc

dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, tổng kết kinh nghiệm được Đảng hết sức quan tâm để nâng cao trình độ lý luận và năng lực công tác của cán bộ. Với ý nghĩa đó chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá cao cuốn **“Truyền thống cấp ủy Đảng bộ Phước Long”**, bởi lẽ đây là một hương còn ít được tiếp cận trong nghiên cứu Lịch sử Đảng.

Năm chắc đối tượng nghiên cứu là cấp ủy Phước Long, với lối văn chính luận, tư liệu phong phú có độ tin cậy khoa học cao và sử dụng thành thạo các phương pháp phổ quát của khoa học lịch sử, cuốn sách đã trình bày hệ thống, cụ thể lịch sử tổ chức cấp ủy Đảng trên đất Phước Long trong 40 năm qua.

Cuốn sách sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin chân xác về cấp ủy Phước Long. Là nơi, với những đặc điểm địa lý tự nhiên, địa nhân văn, địa lịch sử, Đảng bộ ra đời và lãnh đạo cách mạng trong 40 năm qua. Đó là lịch sử quá trình ra đời, hệ thống tổ chức của Đảng bộ trong thời kỳ chống Mỹ, và cùng cả nước định hướng lên chủ nghĩa xã hội để đủ sức lãnh đạo quần chúng nhân dân. Đó là hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội. Và đó là những bài học kinh nghiệm của cấp ủy Phước Long trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương.

Truyền thống cấp ủy Đảng bộ Phước Long

Bằng vào lịch sử tổ chức hoạt động lãnh đạo của cấp ủy Phước Long qua các thời kỳ, cuốn sách đã cung cấp cho các thế hệ hôm nay và mai sau hiểu rõ quá trình trưởng thành cấp ủy Phước Long, tự hào về truyền thống bất khuất, anh dũng, sáng tạo của các thế hệ đảng viên trong cấp ủy – lãnh tụ chính trị lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp cách mạng ở Phước Long trong 40 năm qua.

Chắc chắn cuốn sách ra đời sẽ góp phần vào công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ Phước Long, góp phần vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Sự ra đời của cuốn **“Truyền thống cấp ủy Đảng bộ Phước Long”** sẽ là sự tiếp nối các công trình nghiên cứu của Viện Lịch sử Đảng về Lịch sử tổ chức Trung ương Cục, các xứ ủy, tỉnh ủy mở ra một cách tiếp cận mới trong nghiên cứu lịch sử toàn Đảng.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn **“Truyền thống cấp ủy Đảng bộ Phước Long (1960 – 2000)”**.

Hà Nội, tháng Giêng năm 2000

TS Trình Mưu

Phó Viện trưởng Viện Lịch sử
Đảng – Học viện Chính trị Quốc
gia Hồ Chí Minh

LỜI MỞ ĐẦU

Cách đây 25 năm, vào ngày 6 tháng Giêng năm 1975, chiến thắng Phước Long đã giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, mở đầu cho quá trình giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Kỷ niệm sự kiện lịch sử trọng đại ấy trong năm 2000 lại trùng hợp với kỷ niệm 70 năm ra đời Đảng cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2000). Đó là dịp để Đảng bộ và nhân dân Phước Long nhìn lại lịch sử đấu tranh cách mạng, xây dựng quê hương đất nước của mình. Đó còn là dịp để Ban chấp hành Huyện đảng bộ Phước Long nhìn lại lịch sử gần 40 năm cấp ủy lãnh đạo cách mạng địa phương.

Viết truyền thống cấp ủy Đảng của một địa phương là việc làm mới mẻ. Hơn nữa trong khoảng lịch sử mấy chục năm qua, Phước Long có nhiều thay đổi về hành chính; cấp ủy Đảng ở đây cũng phải thường xuyên thay đổi từ Ban cán sự sang tỉnh ủy rồi trở thành huyện ủy; các đồng chí cấp ủy của các nhiệm kỳ từ bấy đến nay cũng không còn nhiều và đã lớn tuổi... Yêu cầu của việc biên soạn cuốn sách về truyền thống các nhiệm kỳ cấp ủy các khóa từ 1960-2000, như Nghị quyết số 67-NQ/HU ngày 10/4/1998 của Huyện ủy huyện Phước Long đã ghi: “để làm tư liệu sử phục vụ

nhệm vụ chính trị của BCH Đảng bộ Huyện. Đồng thời ôn lại truyền thống của các cấp ủy trước để cấp ủy hiện nay kế thừa phát triển lãnh đạo huyện nhà ngày càng phát triển. Giáo dục cho thế hệ trẻ nối tiếp truyền thống đó”.

Tư liệu của tập sách này một phần là do các nhân chứng cung cấp qua các buổi tọa đàm, phỏng vấn; một phần là từ các văn kiện và tài liệu lưu trữ tại địa phương, nhất là từ sau giải phóng đến nay, cũng như từ một số công trình lịch sử đã có của Đảng bộ và nhân dân Phước Long; một phần nhỏ nữa do các cơ quan khoa học ở Thành phố Hồ Chí Minh đóng góp. Việc xử lý đối chiếu, so sánh, xác minh tài liệu cũng như việc biên soạn phải đảm bảo tính khoa học, lại cũng cần sát hợp với yêu cầu thực tế của địa phương.

Nội dung chính của cuốn sách này gồm bốn chương là sự tái hiện có hệ thống quá trình hình thành, phát triển, lãnh đạo của cấp ủy Đảng Phước Long và bài học rút ra từ thực tiễn cách mạng gần 40 năm qua. Danh sách cấp ủy trong mỗi giai đoạn cách mạng của địa phương là phần tư liệu quan trọng nhất của cuốn sách. Sự kiện và vấn đề lịch sử khác được chọn lọc nhằm chứng minh cho hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy Đảng Phước Long. Chắc chắn là chưa đầy đủ và cũng còn thiếu nhiều thời gian, điều kiện để những nội dung này được chính xác, hoàn hảo. Hơn nữa, lần đầu tiên viết một đề tài chưa có các công trình đi trước để học hỏi, chắc chắn sẽ có nhiều vấn đề chưa đáp ứng

được cả về nội dung lẫn hình thức trình bày. Rất mong được sự góp ý, chỉ dẫn của các đồng chí cấp ủy và toàn thể đọc giả về những khiếm khuyết của cuốn sách.

Đây cũng là kết quả của những cố gắng lớn của Thường vụ Huyện ủy, Ban tuyên giáo Huyện ủy Phước Long và của nhóm biên soạn trong thời gian gấp rút đã hoàn thành bản thảo để in ấn cho kịp ngày đầu của năm mới và cũng là ngày đầu của thế kỷ mới, chào mừng quê hương giải phóng, mừng Đảng, mừng Xuân. Nhân cuốn sách được ra mắt, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí cách mạng lão thành đồng thời là nhân chứng cấp ủy trong các nhiệm kỳ vừa qua; xin cảm ơn toàn thể đồng chí, đồng bào đã đóng góp cho sự nghiệp cách mạng ở Phước Long mấy chục năm qua; xin cảm ơn sự hợp tác giúp đỡ của Khoa Sử trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Phước Long, ngày 6 tháng Giêng năm 2000

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY PHƯỚC LONG

Chương một

SỰ HÌNH THÀNH TỔ CHỨC ĐẢNG TRÊN ĐẤT PHƯỚC LONG

I. Vài nét về vùng đất và con người Phước Long

1. Điều kiện tự nhiên

Phước Long là huyện miền núi của tỉnh Bình Phước, nằm ở vị trí $11^{\circ}00$ độ vĩ bắc, $106^{\circ}45 - 107^{\circ}20$ độ kinh đông. Phía Bắc giáp Campuchia (với 60 km đường biên giới), phía Đông giáp huyện Bù Đăng, phía Nam giáp huyện Đồng Phú, phía Tây giáp các huyện Bình Long và Lộc Ninh. Diện tích tự nhiên toàn huyện là 187.300 ha, bao gồm hai thị trấn (Thác Mơ, Phước Bình) và 15 xã (Sơn Giang, Đức Hạnh, Đak-Ơ, Bù Gia Mập, Phước Tín, Bình Phước, Bình Thắng, Đak Kia, Long Hưng, Long Bình, Long Hà, Bù Nho, Long Tân, Phú Riềng, Phú Trung).

Địa hình Phước Long thể hiện rõ những nét đặc trưng của vùng cao nguyên chuyển tiếp với độ cao trung bình 200 – 400m, có khá nhiều đồi núi và thung lũng, cao nhất là ngọn núi Bà Rá (723m). Khí hậu và thời tiết cũng là khí hậu của cao nguyên chuyển tiếp,

chia thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô (mùa nắng) kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình trong năm vào khoảng 25°C , lúc nóng nhất lên đến 40°C và khi hậu khi lạnh xuống dưới 12°C . Chế độ gió ở Phước Long chịu ảnh hưởng của hai loại gió mùa: Đông – Đông Bắc (mùa khô nóng) và tây nam (mùa mưa), lượng mưa trung bình hàng năm là 2.349mm.

Nằm trong vùng đất đỏ bazan, Phước Long có thể mạnh về tiềm năng thổ nhưỡng. Chiếm phần lớn là đất đỏ feralit phát triển trên bazan (khoảng 80% diện tích tự nhiên), thích hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao (như cao su, tiêu, cà phê, điều ...) cũng như với các loại cây hoa màu, lương thực ... Ngoài ra, còn có loại đất xám hình thành trên nền phù sa cổ và loại đất bồi tụ trong sinh lầy thường xuyên ngập nước hoặc ngập nước về mùa mưa.

Rừng Phước Long cũng là một vốn quý của địa phương, có giá trị trên cả hai phương diện: phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng. Rừng tự nhiên có nhiều loại gỗ quý, đa dạng về chủng loại như: cẩm lai, gỗ đỏ, dầu, cẩm xe... cùng với rất nhiều loại song, mây, lồ ô và dược liệu. Thú rừng ở đây khá phong phú, từ những loại thú lớn, quý hiếm như voi, tê giác, hổ, gấu, trâu rừng, heo rừng... đến các loài thú nhỏ như nai, mễn, nhím, chồn, cheo, khỉ... Đặc biệt tại xã Bù Gia Mập còn có khu rừng nguyên sinh được công nhận là khu bảo tồn thiên nhiên.

Trên địa bàn Phước Long có nhiều loại sông suối và nguồn nước. Quan trọng nhất là Sông Bé (người Stiêng gọi là Đak Glung), tuy không thuận tiện cho giao thông vì có nhiều ghềnh thác, nhưng lại là nguồn cung cấp điện năng quan trọng cho cả khu vực. Bên cạnh đó là những sông suối nhỏ như Đak Huýt, Đak R'lấp, Đak Đam, Đak Rim, Đak kar, suối Rạt..., vừa tạo thêm nguồn nước vừa góp phần làm cân bằng hệ sinh thái tại địa phương.

2. Dân cư – Dân tộc

Mảnh đất Phước Long với điều kiện thiên nhiên vừa thuận lợi cũng vừa khắc nghiệt như vậy, từ lâu đã là nơi cư trú của đồng bào các dân tộc ít người, chủ yếu là người S'tiêng cùng một số ít người Mạ, người M'ông ... đến những thập niên 20, 30 của thế kỷ XIX – khi nhà Nguyễn thiết lập cơ cấu hành chính và hệ thống đồn ải để quản lý, kiểm soát cư dân và lãnh thổ, người Việt - trước tiên là binh lính đồn trú và gia đình của họ, bắt đầu có mặt ở vùng đất đỏ thuộc thị trấn Biên Hòa (sau đổi thành tỉnh Biên Hòa), trong đó có khu vực Phước Long ngày nay. Tuy nhiên cho đến nửa cuối thế kỷ XIX, diện mạo của địa bàn Phước Long nhìn chung vẫn còn rất hoang vu, hoạt động kinh tế vẫn chỉ giới hạn ở hai loại hình săn bắt và làm rẫy.

Chính ở thời điểm đó, thực dân Pháp – sau khi chiếm trọn ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường) - đã ráo riết đẩy mạnh việc điều

tra, khảo sát vùng rừng núi. Sang đầu thế kỷ XX, các đại lý hành chính và đồn binh của Pháp lần lượt được thiết lập ở Hớn Quản (1906), Bù Đốp (1906), đặc biệt là đại lý hành chính trong vùng người S'tiêng, quanh khu vực núi Bà Rá, lấy tên là đại lý Sông Bé (1912). Nhằm ve vãn, lừa mỵ đồng bào các dân tộc ít người, bọn thực dân giương lên chiêu bài “đất Thượng của người Thượng” và lập ra 6 tổng tự trị của người S'tiêng ở Bù Nho, Bù Na, Bù Cháp, Đak-O...

Cùng vào những năm đầu thế kỷ XX, vùng đất đỏ miền Đông – trong đó có Phước Long – trở thành địa bàn được tư bản Pháp đặc biệt chú ý để trồng thử nghiệm cây cao su. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, cơn sốt lập đồn điền cao su bùng nổ đòi hỏi ngày càng nhiều lực lượng công nhân. Trong hoàn cảnh bị bản cùng hóa và phá sản, cư dân người Việt (chủ yếu là nông dân nghèo) ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam thông qua bọn cai mộ phu đã ký kết giao kèo (Contrat) làm việc dài hạn tại các đồn điền. Cùng với công nhân cao su, số người Việt tìm đến nơi đây sinh cơ lập nghiệp cũng tăng lên. Do vậy, từ cuối thập niên 20 trở đi, cư dân người Việt có mặt ở Phước Long đã khá đông đảo và mối quan hệ giữa đồng bào lao động Kinh với đồng bào dân tộc ngày càng trở nên thường xuyên, mật thiết, gắn gũi.

Sau khi hiệp định Genève được ký kết, với ý đồ độc chiếm miền Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, đế quốc Mỹ đã chỉ đạo

chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành cải tổ việc bố trí dân cư và tổ chức xã hội ở vùng đất đỏ miền Đông nhằm tạo “lá chắn” bảo vệ “thủ đô” Sài Gòn từ xa, đồng thời để tạo bàn đạp cơ động tấn công tiêu diệt các căn cứ kháng chiến và tách nhân dân ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng. Tại Phước Long, Mỹ – Diệm thực hiện di dân cơ học, dùng mọi biện pháp lừa mỵ đồng bào là tín đồ Thiên chúa giáo từ miền Bắc vào Nam và đưa lên đây; cưỡng ép nhiều gia đình từ vùng căn cứ kháng chiến khu 5 miền Trung vào định cư ở những khu trọng điểm của kế hoạch quân sự địa phương. Đi đôi với chính sách gom dân lập khu dinh điền, khu trù mật, là chính sách hủy diệt môi sinh trên diện rộng, gây nhiều xáo trộn trong đời sống đồng bào các dân tộc ít người.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, để hàn gắn vết thương chiến tranh, phân bố lại dân cư, xây dựng các vùng kinh tế mới, nhân dân nhiều địa phương ở miền Bắc, miền Trung đã hưởng ứng chủ trương của Đảng vào làm ăn sinh sống ở Phước Long ngày càng nhiều. Những năm gần đây, hiện tượng di dân tự do của người Việt và đồng bào các dân tộc phía Bắc vào Phước Long càng trở nên khá phổ biến.

Trải qua những biến động về cơ cấu dân cư và thành phần dân tộc như trên, đến nay Phước Long đã có số dân hơn 152.440 người, mật độ dân số 69 người/km², trong đó đồng bào các dân tộc có hơn 23.000 người (số liệu năm 1999). Cộng đồng dân cư ở

Phước Long hiện tại có đủ dân cư ba miền đất nước với sự đa dạng về bản sắc văn hóa riêng của mỗi vùng, mỗi dân tộc trên nền tảng chung của đạo lý văn hóa Việt Nam: yêu quê hương đất nước, trọng nhân nghĩa, cần cù lao động, đoàn kết và tương trợ...

3. Những biến đổi hành chính qua các thời kỳ lịch sử

Cùng với những biến đổi về cơ cấu dân cư – dân tộc và bối cảnh chính trị – xã hội nói chung, vùng đất Phước Long ngày nay đã trải qua nhiều thay đổi về địa giới và cơ cấu hành chính.

Đầu thế kỷ XIX, khi triều Nguyễn hình thành và đặt ra hệ thống hành chính mới ở Lục tỉnh, Phước Long là vùng đất thuộc dinh Trấn Biên. Ở thời điểm này, địa danh Phước Long đã xuất hiện với tư cách là một đơn vị hành chính thuộc dinh Trấn Biên, gọi là huyện Phước Long¹. Đến năm 1808, dinh Trấn Biên đổi thành Trấn Biên Hòa, huyện Phước Long được nâng lên thành phủ Phước Long. Sang năm 1932, Trấn Biên Hòa đổi thành tỉnh Biên Hòa, quản trị 1 phủ (phủ Phước Long) coi 4 huyện. Địa bàn huyện Phước Long hiện nay, vào thời điểm ấy thuộc huyện Phước

¹ Huyện Phước Long lúc bấy giờ có địa bàn rất rộng, bao gồm nhiều vùng đất thuộc các tỉnh Bình Phước, Biên Hòa, Bình Dương hiện nay.

An (sau chuyển sang thuộc huyện Phước Bình), phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa.

Sau khi thực dân Pháp xâm lược và áp đặt ách thống trị ở Nam Kỳ, phải đến những năm đầu thế kỷ XX chúng mới thiết lập được bộ máy cai trị ở vùng rừng núi tỉnh Biên Hòa - trong đó có Phước Long. Năm 1912, đại lý hành chính Sông Bé (còn gọi là đại lý hành chính Bà Rá) hình thành để quản lý, kiểm soát vùng đất Phước Long ngày nay. Một thời gian sau, các đại lý hành chính bị bãi bỏ, thay bằng đơn vị hành chính "quận". Cho đến cuối thời Pháp thuộc, địa bàn Phước Long ngày nay là phần đất thuộc quận Bà Rá (tỉnh Biên Hòa) và quận Bù Đốp (tỉnh Thủ Dầu Một).

Trong những năm 1956 – 1957, chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam ráo riết cho sắp xếp lại cơ cấu hành chính để siết chặt ách kiểm soát. Ngày 10/10/1957, chúng cho tách quận Bà Rá ra khỏi tỉnh Biên Hòa và tách quận Bù Đốp ra khỏi tỉnh Thủ Dầu Một để lập tỉnh mới Phước Long, gồm 3 quận Phước Bình, Bù Đốp, Phước Hòa – tỉnh lỵ đặt tại Phước Bình¹. Năm 1961, quận Phước Hòa bị giải thể, quận Bù Đốp đổi thành quận Bố Đức, nâng tổng Bù Đăng thành

THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC

ĐC/142

¹ Theo nghị định số 311/BNV – NC – ND của Bộ Tổng nội vụ VNCH.

quận Đức Phong và lập thêm quận mới Đôn Luân¹. Như vậy, ở thời điểm này tỉnh Phước Long có 4 quận: Phước Bình, Bố Đức, Đức Phong, Đôn Luân, (theo cơ cấu hành chính của địch).

Tháng 6/1960, theo hệ thống tổ chức và chỉ đạo chiến trường của ta, tỉnh Phước Long chính thức hình thành. Do đặc điểm chiến trường cụ thể, tỉnh Phước Long không tổ chức đơn vị hành chính theo quận huyện mà lập thành các K (tương đương quận huyện). Đến cuối năm 1971 đầu năm 1972, tỉnh Phước Long giải thể, hai tỉnh Phước Long và Bình Long trước đây được hợp nhất thành tỉnh Bình Phước. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tỉnh Bình Phước lại được sát nhập cùng tỉnh Thủ Dầu Một thành tỉnh Bình Thủ. Nhưng cơ cấu hành chính này chỉ tồn tại một thời gian ngắn. Đến ngày 2/7/1976 theo quyết định của Quốc hội nước CHXHCNVN, tỉnh Sông Bé được thành lập trên cơ sở các tỉnh Thủ Dầu Một và Bình Phước trước đây cùng 3 xã An Bình, Đông Hòa, Bình An (của quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định). Phước Long là một trong 9 huyện, thị của tỉnh Sông Bé, hợp nhất từ 3 huyện Bù Đốp (Bố Đức) Phước Bình và Bù Đăng (Đức Phong) theo Quyết định số 55- CP ngày 11/3/1977 của Hội đồng Chính Phủ.

¹ Theo nghị định số 708/NV ngày 24/7/1961 của Tổng thống VNCH.

Ngày 19/9/1980 theo Quyết định số 299 – CP của Hội đồng Chính phủ, nhằm đẩy mạnh tiến trình phát triển về mọi mặt kinh tế – văn hoá – xã hội của các địa phương cơ sở, một số xã thuộc huyện Phước Long được điều chỉnh địa giới. Xã Đa Kia chia thành 2 xã là Đa Kia và Bình Thắng; xã Bù Nho cũng chia thành 2 xã là Bù Nho và Long Hưng. Đồng thời 2 thôn Phước Lộc và Phước Quả được tách ra khỏi xã Phước Bình để sát nhập vào xã Phước Tín. Đến thời điểm này, huyện Phước Long gồm 15 xã: Sơn Giang, Đức Hạnh, Minh Hưng, Nghĩa Trung, Đoàn Kết, Đắc Nhau, Đak Ô, Thống Nhất, Thọ Sơn, Đa Kia, Bình Thắng, Bù Nho, Long Hưng, Phước Bình, Phước Tín.

Gần 6 năm sau, theo Quyết định số 40 – HĐBT ngày 9/4/1986 của Hội đồng Bộ trưởng, huyện Phước Long thành lập thêm xã Đồng Nai trên cơ sở 8.5000 ha đất của xã Thọ Sơn và 3.000 ha đất của xã Đoàn Kết. Như vậy, huyện Phước Long lúc này có 16 xã.

Ngày 4/8/1988 đánh dấu một thay đổi quan trọng về địa giới và cơ cấu hành chính của huyện Phước Long. Theo Quyết định số 112- HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, Huyện Phước Long được chia thành 2 huyện là Phước Long và Bù Đăng. Đồng thời tách xã Phú Riềng (thuộc huyện Đồng Phú) nhập vào huyện Phước Long. Huyện Phước Long (mới thành lập) có địa giới như hiện nay nhưng lúc bấy giờ chỉ có 10 xã: Bình Thắng, Phú Riềng, Long Hưng, Đức Hạnh, Bù Nho, Đa Kia, Đak Ô, Phước Bình, Phước Tín, Sơn Giang.

Trong những năm sau đó, huyện Phước Long có thêm nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính xã – thị trấn.

Ngày 19/8/1994, xã Sơn Giang được chia thành 2 đơn vị hành chính là thị trấn Thác Mơ và xã Sơn Giang; xã Phước Bình cũng chia làm hai là thị trấn Phước Bình và xã Bình Phước; xã Bù Nho chia thành 2 xã Long Tân và Bù Nho...

Sau khi Quốc Hội khóa IX (kỳ họp thứ 10, tháng 11/1996) phê chuẩn việc tách ra thành lập lại các tỉnh, huyện Phước Long trực thuộc tỉnh Bình Phước (vừa tách từ tỉnh Sông Bé trước đây).

Ngày 26/12/1997, theo Nghị định số 119/1997/NĐ – CP của Chính phủ, xã Đăk Ô của huyện Phước Long tách thành 2 xã Đăk Ô và Bù Gia Mập. Ngày 18/3/1998, 5.000 ha đất và 4.170 nhân khẩu của xã Phú Riềng được tách ra thành lập xã Phú Trung. Đồng thời, xã Long Bình cũng được thành lập trên cơ sở 4.100 ha đất, 2.129 nhân khẩu của xã Bình Thắng và 2.250 ha đất, 2.782 nhân khẩu của xã Long Hưng.

Từ tháng 3/1998 đến nay, huyện Phước Long giữ nguyên cơ cấu hành chính gồm 2 thị trấn (Thác Mơ và Phước Bình), 15 xã (Bình Phước, Bình Thắng, Bù Gia Mập, Bù Nho, Đa Kia, Đăk Ô, Đức Hạnh, Long Bình, Long Hà, Long Hưng, Long Tân, Phú Riềng, Phú Trung, Phước Tín và Sơn Giang).

II. Từ sự hình thành các chi bộ Đảng và Ban cán sự Đảng, đến Hội nghị thành lập Tỉnh ủy Phước Long

1. Vài nét về phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng ở Phước Long trước năm 1954

Giữa thế kỷ XIX thực dân Pháp đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Đến cuối năm 1861, chúng đã đánh chiếm xong 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ. Cuộc đấu tranh của nhân dân Lục tỉnh đã bùng nổ ngay từ đầu và càng về sau càng gay gắt. Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tư bản Pháp tăng cường chiếm đất lập đồn điền ở miền Đông Nam Bộ, phong trào yêu nước của đồng bào các dân tộc ở đây vẫn tiếp tục phát triển.

Từ năm 1912, dưới ngọn cờ chung của thủ lĩnh N'Trang Long, người S'Tiêng, M'Nông, Châu Mạ, Châu Ro ở vùng Phước Long đã đứng lên chống giặc với tất cả các thứ vũ khí có trong tay. Những cuộc khởi nghĩa của R'Ding chủ làng S'Tiêng ở Bù Kơn, R'Ông-leng chủ làng M'Nông ở lưu vực sông Đăk Lung... đã thu hút đông đồng bào các dân tộc. Trận đánh đầu năm 1914 của nghĩa quân N'Trang Long dùng mưu kế diệt tên Henry-Mettre và diệt đồn Bu-mê-ra của Pháp, đã gây tiếng vang lớn, thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân khắp vùng rừng núi điệp trùng này. Đồng bào ở các khu vực Bà Rá, Bù Đốp, Hớn Quản đã bám trụ chống lại các chính sách cai trị và hành động tàn

ác của kẻ thù, nhất là khi chúng mở đường 14 và mở rộng các đồn điền, lập thêm những đồn bót.

Trong vùng công nhân cao su, những cuộc bãi công của công nhân đồn điền Phú Riềng những năm 1927-1930 mỗi ngày một quyết liệt. Nhất là từ khi chi bộ Phú Riềng ra đời (28/10/1929) – chi bộ cộng sản đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ, đã tổ chức lãnh đạo các cuộc đấu tranh của công nhân cao su phát triển trên qui mô rộng. Cuộc đấu tranh của hàng ngàn công nhân ở Phú Riềng ngày 3/2/1930 gây chấn động lớn trên toàn vùng đồn điền miền Đông Nam Bộ. Ánh sáng Phú Riềng đỏ – ánh sáng của Đảng Cộng sản Việt Nam đã soi rọi cho phong trào của công nhân và phong trào của các dân tộc.

Những cuộc bãi công, lãn công ở khu vực đồn điền Phú Riềng dần dần được tổ chức chu đáo từ thời gian tiến hành đến khâu hiệu đấu tranh và hình thức đấu tranh. Với mục tiêu chủ yếu, trước mắt là đòi quyền lợi kinh tế cho cuộc sống thiết thực hàng ngày của công nhân, những cuộc đấu tranh ở Phú Riềng và các đồn điền xung quanh đã tranh thủ được điều kiện công khai hợp pháp để nổ ra và huy động được ngày càng đông lực lượng công nhân tham gia.

Trong khi đó những cuộc nổi dậy của đồng bào S'tiêng vùng Bà Rá – Phú Riềng do Điều Sơn, Điều Giang, Điều Sung, Điều Mốt, Điều Môn lãnh đạo cũng liên tiếp diễn ra. Từ cuối năm 1933 trở đi, Pháp tăng

cường hoạt động quân sự lập đồn bót ở vùng này. Nhưng hoạt động của các lực lượng nghĩa quân người S'Tiêng, M'Nông cũng liên tiếp giáng cho địch những đòn đau. Trong trận ngày 2/1/1934, 300 nghĩa quân S'Tiêng, M'Nông với vũ khí thô sơ đã hạ đồn Bù Koh của Pháp, sau trận này nghĩa quân và đồng bào các dân tộc ra sức lập làng chiến đấu, hình thành những vành đai uy hiếp quân Pháp, bảo vệ nương rẫy và buôn làng của nhân dân.

Chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ, Pháp thua trận, Nhật nhảy vào Đông Dương. Mâu thuẫn dân tộc dâng cao làm bùng nổ những cuộc khởi nghĩa. Tiếp theo khởi nghĩa Bắc Sơn, nhân dân Nam Kỳ dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam Kỳ đã tiến hành cuộc khởi nghĩa lớn. Tuy nhiên sau cuộc khởi nghĩa này, cách mạng ở Nam Bộ gặp nhiều khó khăn. Nhà tù Bà Rá không chỉ giam giữ nhiều chiến sĩ cách mạng mà còn có khá đông nhân dân, những người bị tình nghi là cộng sản. Với tinh thần bất khuất, các chiến sĩ cách mạng đã biến nhà tù thành trường học cộng sản và tuyên truyền giác ngộ một số tù thường phạm, hướng họ về phía cách mạng.

Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 bùng nổ, chính quyền cách mạng ở Nam Bộ được thành lập. Nhưng ngày 23-9-1945 Nam Bộ đã kháng chiến để bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được. Ở Phước Long, công nhân đồn điền và cả những bộ phận đồng bào

dân tộc đã có mặt trên trận tuyến cầu Bến Phên để chiến đấu ngăn cản bước chân quân xâm lược Pháp.

Từ cuối năm 1946, Ban công tác liên thôn do đồng chí Đỗ Bông Long làm trưởng ban, đồng chí Lý Quới làm phó, đã mở rộng địa bàn hoạt động tuyên truyền, vận động cách mạng từ Bình Mỹ đến Bà Rá. Các đồng chí cán bộ từ Biên Hòa được cử về vùng Bà Rá - Phước Long hoạt động như Ngô Văn Long, Lê Đình Ngũ cũng ra sức tuyên truyền, vận động cách mạng trong đồng bào dân tộc. Trên cơ sở đó đến cuối năm 1947, Ủy ban Kháng chiến Hành chính vùng đồng bào ở Bà Rá - Phước Long được thành lập gồm: ông Bro - Chủ tịch, ông Xơơ - Phó Chủ tịch, ông Lồng - Thư ký... Ủy ban đã cùng đội công tác cảm hóa, thu phục nhiều người hướng họ đi theo kháng chiến, kể cả Cai tổng và đồng bào Khơme.

Đầu 1948 đội công tác vũ trang của Phước Long được thành lập do đồng chí Nguyễn Đình Kính phụ trách gồm 20 người với nhiệm vụ tuyên truyền phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, nắm tình hình phục vụ kháng chiến. Một bộ phận của đội đã đi vào các đồn điền cao su ở Thuận Lợi, Bù Nho, Đa Kia, Phú Riêng, một bộ phận khác đi vào vùng đồng bào dân tộc ở Tà Bàng, Tà Bái, Bù Ha (Đa Kia).

Cũng trong năm 1948, một đơn vị cấp huyện được thành lập trên địa bàn vùng Bà Rá thuộc tỉnh Biên hòa, đó là huyện Sông Bé. Huyện ủy Sông Bé gồm các

đồng chí Ngô Văn Long – Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện, đồng chí Tạ Quang Lộc – Phó Bí thư kiêm Ủy viên quân sự Ủy ban kháng chiến huyện, đồng chí Lê Đình Ngữ - Huyện ủy viên kiêm Thư ký Ủy ban. Ngoài ra Huyện ủy còn có các ủy viên khác là Nguyễn Văn Bá, Nguyễn Văn Nghĩa. Hai Phó Chủ tịch huyện là Bro (Khmer) và Huỳnh Văn Đố (châu Ro). Lực lượng vũ trang tự vệ được tổ chức trong đồng bào các buôn sóc. Những trận đánh đồn bót giặc ở Bù Kó cũng được tiến hành.

Năm 1949, Quân khu 7 còn lập Khoa quốc dân thiếu số để tổ chức lực lượng vũ trang tuyên truyền trong vùng đồng bào dân tộc, trong đó có vùng Bà Rá – Phước Long (Huyện Sông Bé).

Đầu 1950, lực lượng vũ trang ta gồm 41 tay súng đã tiến công đồn Bù Đốp, phá trại giam của địch ở đây, thu 39 súng các loại. Tháng 12/1950, một đơn vị vũ trang ta lại đánh vào đồn địch ở Làng 9, đồn điền Thuận Lợi, diệt 2 trung đội bảo an, thu vũ khí và đưa được hàng trăm công nhân Làng 9 về vùng chiến khu.

Cho đến trước khi có hiệp định Genève 7/1954, hoạt động của các lực lượng vũ trang, cơ sở cách mạng trong đồng bào các dân tộc và công nhân cao su ở vùng Bà Rá – Phước Long (huyện Sông Bé) đã diễn ra ngày một nhiều hơn, gây cho quân Pháp và tay sai những thiệt hại cả về người và vũ khí. Bà Rá – Phước Long trở thành mối đe dọa đối với Pháp, tay sai ở khu vực

này, khiến chúng phải tăng thêm quân, kể cả lính lê-dương và các đội biệt kích, lập thêm đồn bót ở Bà Rá – Bù Đăng – Đồng Xoài. Song lực lượng kháng chiến của ta ở đây đã từng bước phát triển, đồng bào các dân tộc ở đây đã hướng về cách mạng, phong trào yêu nước và cách mạng của các tầng lớp nhân dân ở đây sẽ góp phần tính cực vào việc đánh bại những âm mưu thủ đoạn chiến tranh của địch, giành thắng lợi cho kháng chiến của dân tộc.

2. Sự hình thành những cơ sở Đảng ở Phước Long trong những năm 1954 - 1960

Thi hành Hiệp định Genève về việc chuyển quân tập kết, các địa phương ở Nam Bộ và cả miền Nam đã tiễn đưa một lực lượng lớn cán bộ, chiến sĩ cách mạng lên đường ra Bắc. Đồng thời cũng để lại một bộ phận gồm những đồng chí cốt cán để tiếp tục cùng quần chúng yêu nước đấu tranh với lực lượng Mỹ – Diệm. Đây là một chủ trương đúng, thể hiện sự nhạy bén chính trị của các Đảng bộ địa phương trong điều kiện có hiệp định đình chỉ chiến sự để lập lại hòa bình, nhưng tình hình còn nhiều phức tạp.

Ở Phước Long, các đồng chí Ba Phú, Ba Thiều, Ba Dấu, Tuyên, Hào, Lộc... được bố trí ở lại hoạt động trong các vùng Lý Lịch, Bù Téch, Bù Nho, Bù Na, Tân Thuận và khu vực dọc đường 14 hướng từ Đồng Xoài lên Bù Đăng. Các đồng chí này đã phải sinh sống trong điều kiện hết sức khó khăn để bám địa bàn, gây

dựng cơ sở cách mạng. Có những đồng chí phải cà răng, căng tai như đồng bào dân tộc để hòa nhịp với đồng bào, tuyên truyền cách mạng. Cùng lúc đó (tháng 4/1956), một bộ phận các đồng chí do Tỉnh ủy Biên Hòa bố trí ở lại như các đồng chí Sáu Hải, Ba Hỷ, Hai Thuận, Tư Huệ... cũng được phân công hoạt động trên địa bàn Phước Long, đã tập trung vận động cách mạng trong vùng có đông công nhân cao su và đồng bào dân tộc. Nhiệm vụ trước mắt về tổ chức của các nhóm cốt cán trên đây là xây dựng các chi bộ Đảng tại chỗ, trước hết là ở những nơi đã có cơ sở cách mạng.

Tháng 12/1956, có 3 chi bộ được thành lập ở Phước Long do Tỉnh ủy Biên Hòa tổ chức. Đó là:

- Chi bộ 1 ở Tân Thuận – Bù Ka, do đồng chí Ba Phú làm bí thư. Chi bộ này phát triển mạnh trong đồng bào dân tộc. Chi bộ này gồm các đồng chí Hai Lập, Sáu Hải, Ba Hỷ, Tư Quý, Tư Huệ.
- Chi bộ 2 ở Thuận Lợi do đồng chí Ba Dấu làm bí thư. Chi bộ này phát triển mạnh trong công nhân cao su. Chi bộ này có các đồng chí Hai Thuận và hai đồng chí ở Làng 2 và Làng 9 của sở cao su.
- Chi bộ 3 ở Sờ Bù Ka do đồng chí Ba Tuyên làm bí thư. Chi bộ này còn có các đồng chí Hai Lạc, Sáu Xê, Bảy Hát.

Đến năm 1957, các chi bộ trên đã phát triển thêm một số đảng viên và quần chúng tích cực. Việc mở rộng địa bàn hoạt động cũng như việc liên lạc với các cơ sở Đảng ở chiến khu Đ cũng được chú trọng. Trên cơ sở đó, tháng 6/1957 Ban cán sự Đảng Phước Long được thành lập. Buổi ra mắt tổ chức tại một điểm ở bìa rừng của Bàu Trúc, có các đồng chí Hai Đình, Ba Dục đại diện Tỉnh ủy Biên Hòa dự. Thành phần Ban cán sự được cử ra gồm các đồng chí Ba Phú (Bí thư), Ba Tuyên (Phó Bí thư), Ba Đấu, Hai Lập, Hai Tuấn (ủy viên). Nhiệm vụ của Ban cán sự là:

1. Phát động quần chúng đồng bào đòi dân sinh, dân chủ, chống bắt xâu, bắt lính, đòi cứu đói, cứu đau; đấu tranh đòi thi hành hiệp định Genève.
2. Phát triển cơ sở cách mạng và lực lượng cốt cán trong quần chúng đồng thời chú ý phát triển Đảng viên, xây dựng các tổ du kích ở vùng Tân Thuận, Bù Ka.
3. Vận động quần chúng tăng gia sản xuất chống đói và tiết kiệm, giảm bớt các tập tục lạc hậu trong nhân dân. Xây dựng khối đoàn kết gần bó người kinh và người dân tộc thiểu số, chống lại âm mưu xuyên tạc chia rẽ của kẻ thù.

Trong lúc các chi bộ và Ban cán sự Phước Long đang hoạt động phát triển theo phương hướng trên

đây, thì một số chi bộ khác cũng lần lượt được xây dựng, nâng tổng số chi bộ trên địa bàn Phước Long đến đầu 1960 lên đến hơn một chục chi bộ. Đó là chi bộ ở thôn Ba, Thiện Hưng (thành lập tháng 9/1959) do đồng chí Hai Một làm Bí thư và các đồng chí: Phan Công Có, Võ Tấn, Mỹ Túu; chi bộ ở thôn Hai (thành lập tháng 2/1960) gồm các đồng chí: Đinh Sầm, Nguyễn Tấn Bằng, Võ Tâm...

3. Tổ chức Tỉnh ủy Phước Long ra đời

Cũng từ đầu 1960, một số đồng chí cốt cán của khu và xứ ủy được điều về Phước Long như Ba Kim, Bảy Màng, Năm Thọ, Tư Thân để chuẩn bị cho sự ra đời tỉnh mới theo yêu cầu của cách mạng miền Nam đang chuyển thế chiến lược. Khu ủy cũng triệu tập các đồng chí Ba Phú, Tư Quý của Ban cán sự Phước Long họp bàn về việc thành lập Tỉnh ủy Phước Long.

Trên cơ sở đó, tháng 6/1960¹, Hội nghị thành lập Tỉnh ủy Phước Long đã được tiến hành tại một địa điểm thuộc vùng Đăk Ko, xã Bù Kó (Bù Đăng hiện nay). Dự hội nghị có khoảng 30 đồng chí từ các chi bộ và trên cử về đã quyết định thành lập Tỉnh ủy. Tổ chức Tỉnh ủy buổi đầu được trên cử ra gồm các đồng chí được phân công như sau:

¹ Có ý kiến cho rằng Hội nghị thành lập Tỉnh ủy diễn ra vào tháng 4/1960.

1. Bí thư: đồng chí Phạm Thuận (Ba Thu) – Phụ trách chung.
2. Phó bí thư: đồng chí Ba Phú – Phụ trách công tác dân vận.
3. Tỉnh ủy viên: đồng chí Hai Đính – Phụ trách khối công nhân và khu vực Đồng Xoài.

Cùng trong hội nghị thành lập Tỉnh ủy và sau đó, tỉnh Phước Long còn có một số đơn vị cấp huyện được thành lập, gọi là các K¹. Địa bàn các K tùy thuộc vào sự phân công nhiệm vụ của cấp ủy cho các đồng chí phụ trách mỗi giai đoạn có khác nhau. Sự phân công này thường xuyên thay đổi cho phù hợp với tình hình cách mạng của địa phương, có khi tách, nhập K và có nhiều đồng chí cấp ủy phải hoạt động trên nhiều địa bàn. Ở mỗi K thường có tổ chức cấp ủy K (tương đương huyện ủy) và các tổ chức chính quyền, đoàn thể, lực lượng cấp huyện và tương đương (Xem cụ thể ở mục 1 chương hai).

¹ Có 2 K (tương đương Huyện) được thành lập trong hội nghị này là: K 2 (gồm các vùng Thuận Lợi, Phú Riềng, Đồng Xoài) và K 3 (gồm khu vực dinh điền Vĩnh Thiện...). Sau hội nghị này Tỉnh ủy còn thành lập K 4 (gồm khu vực Bù Gia Mập và một số buôn sóc dân tộc của Phước Bình, Bù Đăng).

Đến đây, với việc các K (huyện) được thành lập, Phước Long đã có thêm những cơ sở thực lực mới, nhân tố mới để phát triển cách mạng. Tỉnh ủy Phước Long có thêm những cơ sở để triển khai chủ trương chính sách của Đảng cũng như tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào cách mạng trong quần chúng.

Cơ quan Tỉnh ủy đứng chân tại khu vực suối Đăk Kó, xã Bù Kó. Lúc này Tỉnh ủy Phước Long đã đề ra 3 nhiệm vụ quan trọng trước mắt là:

1. Gấp rút tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân, xây dựng chỗ dựa của cách mạng trong nhân dân, xây dựng các đoàn thể quần chúng nhất là trong quần chúng công nhân và đồng bào dân tộc ở các sóc.
2. Bố trí lực lượng từ miền Đông đi lên Quảng Đức bất liên lạc với căn cứ cách mạng của ta ở đây; khẩn trương chuẩn bị bất liên lạc với đoàn cán bộ Trung ương từ Bắc vào.
3. Xây dựng căn cứ cho cơ quan tỉnh (lúc đầu là ở Bù Kó) xây dựng lực lượng bảo vệ căn cứ; móc nối với các cơ sở mật, liên lạc và nối liền với căn cứ của Miền ở chiến khu Đ.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi Tỉnh ủy ra đời, trên cơ sở cách mạng trong quần chúng công nhân và ở các sóc đồng bào dân tộc được xây dựng, Mặt trận dân

tộc thống nhất của tỉnh Phước Long được thành lập, do đồng chí Ka Lư làm Chủ tịch. Đến tháng 12/1960 Mặt trận dân tộc thống nhất tỉnh Phước Long đã tiến hành cuộc Đại hội lần thứ nhất gồm gần 300 người của các dân tộc tham dự. Khối đoàn kết dân tộc ở Phước Long từ đây được hình thành nhằm động viên sức người sức của của toàn dân cho cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược. Ban chấp hành của Mặt trận vẫn do đồng chí Ka Lư làm Chủ tịch và có 3 Phó chủ tịch là Bơ Đơm, Xơ Rức, Tiêng; Thư ký Mặt trận là đồng chí Ba Phú. Mặt trận sẽ làm chức năng của một chính quyền nhân dân cách mạng, đại diện cho các tầng lớp nhân dân, tổ chức cuộc sống, chiến đấu cho nhân dân trong tỉnh mới thành lập. Khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960), Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Phước Long đã trở thành một trong những thành viên sớm nhất của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Vùng giải phóng ở Phước Long ngày càng được mở rộng, căn cứ đứng chân của tỉnh cũng được củng cố và mở rộng. Các đoàn thể quần chúng trong mặt trận được xây dựng, đặc biệt là các đơn vị vũ trang lần lượt ra đời hoạt động ngày càng mạnh, gây thanh thế cho cách mạng địa phương phát triển.

Đối với nhiệm vụ bất liên lạc với Trung ương, Tỉnh ủy Phước Long đã coi việc này có ý nghĩa quan trọng không chỉ cho tỉnh mới thành lập, mà cho cả chiến trường miền Đông và Nam Bộ đang chuyển thế

chiến lược cách mạng. Trước đó Xứ ủy Nam Bộ đã xây dựng 2 đoàn cán bộ làm nhiệm vụ soi đường lên phía Bắc để đón đoàn B90 của Trung ương đang soi đường vào Nam. Các đoàn này lấy Phước Long làm đầu mối phát triển và phân công như sau:

- Đoàn 1: do đồng chí Hồng Sơn phụ trách từ căn cứ miền Đông, theo đường Nam Bù Đăng xoi hướng lên phía Bắc dọc sông Đồng Nai.
- Đoàn 2: do đồng chí Lâm Quốc Đăng phụ trách từ căn cứ Long Nguyên xoi lên phía Tây Phú Riềng, Nam Bù Nho ra Dak R'Lấp.

Kết quả là các đoàn đã gặp nhau ở Bù Min và cùng tiếp tục soi lên phía Bắc. Đến tháng 10/1960 các đoàn Bắc tiến này đã gặp đoàn B90 Nam tiến tại cây số 4 trên đường QL.14 thuộc Quảng Đức. Liên lạc giữa Trung ương với chiến trường Nam Bộ đã khai thông. Tỉnh Phước Long càng có thêm điều kiện khi liên lạc trực tiếp với Trung ương để tổ chức lãnh đạo cách mạng địa phương.

Như vậy, trong mấy năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1960), từ một huyện Sông Bé của tỉnh Biên Hòa tách ra thành tỉnh Phước Long, từ những chi bộ Đảng được xây dựng trong những năm đen tối của cách mạng miền Nam thành một Tỉnh ủy mới và nối liền với Trung ương, lịch sử Phước Long đã

Truyền thông cấp ủy Đảng bộ Phước Long

bắt đầu phát triển thành một bộ phận hữu cơ của cách mạng ở miền Đông Nam Bộ.

Cấp ủy Phước Long viết những trang truyền thống đầu tiên bằng sự hình thành một Tỉnh ủy. Quá trình từ đó về sau không phải không có những thăng trầm trên con đường xây dựng cấp ủy, cũng như không phải ít khó khăn trong hoạt động tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng quần chúng địa phương. Tuy nhiên, mỗi chặng đường phát triển của cách mạng ở Phước Long trong những thập kỷ qua, cấp ủy địa phương đều có vị trí vai trò to lớn, đều có thêm nhiều kinh nghiệm trong hoạt động lãnh đạo phong trào, để lại những bài học quý giá. Các chương sau đây sẽ đề cập đến những vấn đề cụ thể ấy.

Chương hai

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CẤP ỦY PHƯỚC LONG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1960 - 1975)

Hệ thống cấp ủy Đảng ở Phước Long ra đời trong giai đoạn cách mạng miền Nam chuyển mình từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Nó là kết quả của quá trình hoạt động của nhiều cán bộ đảng viên trung kiên trong những năm sau hiệp định Genève, và có sự giúp đỡ của tỉnh Biên Hòa. Từ những chi bộ đầu tiên đến sự hình thành Ban cán sự Đảng, sau phát triển thành Tỉnh ủy với các K ủy trực thuộc Tỉnh ủy. Hệ thống cấp ủy Đảng ở Phước Long từ đó được củng cố phát triển nhanh chóng để đáp ứng kịp thời về lãnh đạo cách mạng ở địa phương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

I. Củng cố, phát triển hệ thống tổ chức cấp ủy Đảng ở Phước Long trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1960 - 1975)

Ngay sau khi ra đời, hệ thống cấp ủy Đảng ở Phước Long được tổ chức thành 3 cấp: Tỉnh ủy - K ủy (tương đương Huyện ủy) - chi bộ. Trong khoảng 15 năm kể từ khi thành lập (tháng 6/1960) đến ngày giai

phóng hoàn toàn miền Nam (tháng 4/1975), hệ thống cấp ủy Đảng Phước Long có nhiều biến động về nhân sự và tổ chức. Đây cũng chính là sự trưởng thành của Đảng bộ Phước Long trong chiến tranh, trong đó cấp Tỉnh ủy và cấp K ủy đã liên tục được phát triển củng cố về mặt tổ chức.

1. Tỉnh ủy

Lúc đầu (tháng 6/1960) với số đảng viên còn ít (khoảng 30 người), Tỉnh ủy chỉ có 3 đồng chí là:

1. Phạm Thuận (Ba Thu) – Bí thư, phụ trách chung
2. Nguyễn Văn Phú (Ba Phú) – Phó bí thư, phụ trách mặt trận
3. (Hai Đính) – Tỉnh ủy viên (TUV), phụ trách K2.

Là một tỉnh mới thành lập, các đồng chí trong Tỉnh ủy từ các nơi khác chi viện đến, nên Đảng bộ tỉnh có nhiệm vụ phải nhanh chóng xây dựng phát triển về tổ chức, bổ sung cán bộ cho cấp dưới và chính cơ quan Tỉnh ủy.

Tháng 10/1960 đồng chí Nguyễn Văn Thâm (Bảy Cỗ) được điều động về bổ sung vào Tỉnh ủy. Từ đầu 1961 Mỹ triển khai chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền Nam. Chiến trường miền Đông Nam Bộ ngày

càng ác liệt do địch tăng cường đánh phá hòng tiêu diệt lực lượng vũ trang Quân giải phóng và các cơ quan đầu não của ta ở miền Nam vừa hình thành đang đứng chân ở đây. Trong tình hình ấy ta cần bảo vệ hành lang chiến lược vừa được mở ra mà Phước Long là một trong những trọng điểm. Tháng 6/1961, ta nhập Kiến Đức (một huyện của Quảng Đức) vào tỉnh Phước Long. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh cũng được bổ sung tăng cường gồm các đồng chí:

1. Phạm Thuận (Ba Thu) – Bí thư, phụ trách chung và phụ trách công tác tổ chức
2. Nguyễn Văn Phú (Ba Phú) – Phó Bí thư, phụ trách công tác dân tộc
3. Nguyễn Văn Thâm (Bảy Cổ) – Phó Bí thư trực
4. Trần Ngọc Khanh (Ba Khanh) – TUV phụ trách quân sự
5. Phùng Đình Ấm (Ba Cung) – TUV phụ trách tuyên huấn (từ 2-1961).
6. (Hai Đính) – TUV phụ trách vùng Cao su và K2

Cùng từ năm 1962, tỉnh Đảng bộ Phước Long trực thuộc Khu ủy Khu 10. Cuối 1962, đồng chí Ba Thu được điều động về Khu, vì vậy trên lại điều động đồng chí Đỗ Văn Nuống (Tư Nguyễn) về Phước Long làm Bí thư

Tỉnh ủy thay đồng chí Ba Thu. Khu ủy Khu 10 lại điều động và bổ sung các đồng chí Ba Cung, Bảy Kính vào Ban thường vụ Tỉnh ủy.

Cách mạng miền Nam từ sau chiến thắng Ấp Bắc phát triển với một khí thế mới. Đến cuối 1963 đầu 1964, ta đã giáng cho kế hoạch Stalây-Taylo của địch những đòn chí mạng, buộc chúng phải cứu vãn tình thế bằng việc đề ra kế hoạch Giôn Xơn Mc Namara leo thang chiến tranh ở miền Nam.

Ở Phước Long, mùa mưa năm 1963 đồng chí Nguyễn Văn Thâm (Bảy Cố) Phó Bí thư Tỉnh ủy mất do bệnh nặng. Khu ủy Khu 10 điều động đồng chí Nguyễn Đình Kính (Bảy Kính) từ Tỉnh ủy Lâm Đồng về hãn Phước Long và bổ sung vào Tỉnh ủy Phước Long, kiêm bí thư K 127 (Bù Đốp-Phước Bình-Đồng Xoài).

Cuối 1963, Khu 10 giải thể, Phước Long nhập về Khu 6. Đến tháng 10/1964, Khu ủy Khu 6 lại điều động chí Phùng Đình Ám (Ba Cung), về Tỉnh ủy Quảng Đức, đồng thời cử 2 đồng chí trong Tỉnh ủy là Ba Phú và Hai Đình đi học. Do đó Khu ủy Khu 6 bổ sung cho Tỉnh ủy Phước Long một số đồng chí mới. Ban chấp hành Tỉnh ủy lúc này gồm các đồng chí:

1. Đỗ Văn Nuông (Tư Nguyên) – Bí thư
2. Trần Ngọc Khanh (Ba Khanh) – Thường vụ Tỉnh ủy (TVTU)

3. Trương Văn Nghi (Hai Phong) – TVTU
4. Nguyễn Đình Kính (Bảy Kính) – TVTU
5. Nguyễn Văn Thâm (Bảy Cổ) – TUV
6. Phùng Đình Ấm (Ba Cung) – TUV
7. Tạ Quang Lộc (Út Lộc) – TUV.
8. Nguyễn Văn Tây (Bảy Ta) – TUV

Chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ được áp dụng ở miền Nam đã đưa cuộc chiến tranh xâm lược của chúng leo lên nấc thang cao nhất; chiến trường miền Đông Nam Bộ trở thành chiến trường trọng điểm của đạo quân Mỹ – Ngụy – Chư hầu. Nhưng các cuộc phản công của địch lên chiến trường này đều bị bẻ gãy.

Ở Phước Long, các lực lượng vũ trang của Miền, Khu và tỉnh đã lập nhiều chiến công vang dội. Mở đầu là chiến dịch Phước Long – Đồng Xoài từ 10/5 -- 22/7/1965. Sau đó là các trận đánh ác liệt khác ở Bình Long, Bù Gia Mập, Bù Xía, Đức Hạnh, Phú Văn, Đức Bốn, Phước Bình.... Để tăng cường cán bộ lãnh đạo cấp ủy, từ năm 1964 có các đồng chí sau đây được bổ sung vào Tỉnh ủy: Võ Hòa, Hai Võ, Tư Cần, Tám Điển, Ba Minh, Ba Thiều, Ba Diệp, Năm Trinh, Mười Đông, Bảy Chiến...

Tháng 10/1966 ta tổ chức lại chiến trường ở đây. Cụ thể là cắt 3 tỉnh Bình Long, Phước Long, Quảng Đức ra khỏi Khu 6 để lập lại Khu 10 (tức T.10). Vì vậy Đảng bộ Phước Long từ đây lại trực thuộc Khu ủy Khu 10. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh vẫn do đồng chí Tư Nguyễn làm bí thư và bổ sung thêm một số đồng chí như Năm Hòa, Ba Diệp vào Tỉnh ủy do có các đồng chí cũ chuyển chuyển công tác. Sau đó lại có một số đồng chí chuyển về Khu như đồng chí Tư Nguyễn, Hai Phong, Năm Hòa, Ba Diệp.... Một số đồng chí từ các K được điều về tỉnh bổ sung vào Tỉnh ủy.

Đến giữa năm 1968, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh còn lại các đồng chí sau:

1. Đỗ Văn Nuống (Tư Nguyễn) – Bí thư tỉnh ủy
2. Nguyễn Văn Chiến (Bảy Chiến) – TVTU phụ trách K 6
3. Nguyễn Đình Kính (Bảy Kính) – TVTU phụ trách Quân sự
4. Trần Quang Minh (Ba Minh) – TVTU phụ trách An ninh
5. Nguyễn Ngọc Thiều (Ba Thiều) – TUV phụ trách Tuyên huấn
6. Nguyễn Huệ (Ba Huệ) – TVTU phụ trách Quân sự

7. Huỳnh Văn Diễm (Tám Diễm) – TUV Bí thư K28
8. Nguyễn Tấn Lực (Tám Lực) – TUV
9. (Mười Đông) – TUV

Trong thực tế sau tổng Tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn, do địch phản kích và đánh trả ác liệt, lực lượng ta ở mỗi địa phương cũng như các chiến trường trọng điểm bị tổn thất nhiều. Mặc dù vậy, ở nhiều nơi phong trào cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng vẫn được duy trì.

Ở Phước Long, Tỉnh ủy vẫn có nhiều hoạt động giữ vững địa bàn và xây dựng cơ sở, củng cố tổ chức, đẩy mạnh phong trào. Cho đến trước khi tỉnh tiến hành cuộc Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, Ban chấp hành Tỉnh ủy vẫn bám trụ và giữ vững ngọn cờ tổ chức lãnh đạo các K ủy và nhân dân Phước Long đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Từ sau Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, để đáp ứng tình hình chiến trường khi địch triển khai chiến lược chiến tranh Việt Nam hóa, ta gặp nhiều tổn thất về lực lượng và khó khăn trong phát triển phong trào cách mạng, các địa phương ở miền Nam nói chung và Đông Nam Bộ nói riêng đều có quá trình củng cố và xây dựng thực lực cách mạng. Trong